

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng và khách hàng sử dụng điện được ưu tiên năm 2018 trên địa bàn tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật điện lực ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Căn cứ Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/12/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 09/TTr-SCT ngày 15/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng và khách hàng sử dụng điện được ưu tiên trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2018 (Có phụ lục chi tiết kèm theo.)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

- Chỉ đạo Công ty điện lực Sơn La tổ chức thực hiện cấp điện theo Danh sách khách hàng được phê duyệt tại Quyết định này.

- Tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện cung cấp điện của Công ty điện lực Sơn La theo Danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này. *guy*

2. Công ty Điện lực Sơn La:

- Xây dựng kế hoạch cung cấp điện theo công suất được phân bổ khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn năm 2018, trong đó đảm bảo ưu tiên cung cấp điện đối với danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này, đặc biệt các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng diễn ra trong năm 2018.

- Thực hiện công bố công khai, tổ chức thực hiện việc cung cấp điện theo Danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống lưới điện; có nguy cơ gây mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện phải thực hiện đúng nội dung, trình tự quy định tại Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/12/2013 của Bộ Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Công ty Điện lực Sơn La; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c)
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử;
- Đ/c CVP;
- Lưu: VT, *Biên KT.* 60 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cầm Ngọc Minh



PHỤ LỤC I

Danh sách Khách hàng sử dụng điện quan trọng năm 2018 tỉnh Sơn La Thuộc diện được cấp điện không phải hạn chế công suất sử dụng khi hệ thống điện thiếu nguồn

(Kèm theo Quyết định số: 230/QĐ-UBND ngày 30/01/2017 của UBND tỉnh)

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Toàn tỉnh	1.872	1.258	1.429	5.600		
I	Thành phố Sơn La	615	333	485	1.705	E 17.2	
1	Tỉnh uỷ				145	35/0,4 kV	Lộ 374
2	Ủy ban nhân dân tỉnh				125	22/0,4 kV	Lộ 473
3	Thành uỷ - UBND Thành phố				100	22/0,4 kV	Lộ 476
4	Công an tỉnh Sơn La				120	22/0,4 kV	Lộ 473
5	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh				95	22/0,4 kV	Lộ 473
6	Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La				270	22/0,4 kV	Lộ 476
7	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Sơn La				75	22/0,4 kV	Lộ 473
8	Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Sơn La				35	22/0,4 kV	Lộ 476
9	Công an thành phố Sơn La				40	22/0,4 kV	Lộ 476
10	Ban chỉ huy Quân sự thành phố Sơn La				40	22/0,4 kV	Lộ 476
11	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh				150	35/0,4 kV	Lộ 374
					100	22/0,4 kV	Lộ 476
12	Viện Quân Y 6				60	35/0,4kV	Lộ 374
13	Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng				60	22/0,4 kV	Lộ 476
14	Bệnh viện y học cổ truyền				160	22/0,4 kV	Lộ 476
15	Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh				40	22/0,4 kV	Lộ 476
16	Báo Sơn La				10	22/0,4 kV	Lộ 473
17	Đài tiếng nói Việt Nam thường trú tại Sơn La				80	22/0,4 kV	Lộ 473
18	Bưu điện tỉnh	35	28	30		22/0,4 kV	Lộ 476
19	Trung tâm Viễn thông TP (Tòa nhà VNPT)	120	90	65		22/0,4 kV	Lộ 476

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
20	Chi nhánh cấp nước TP	260	55	260		22/0,4 kV	Lộ 476
21	Tòa nhà Viettel Sơn La	200	160	130		22/0,4kV	Lộ 476
II	Huyện Mai Sơn	270	197	85	488	E 17.2	
22	Huyện uỷ-UBND huyện				110	6/0,4 kV	Lộ 672
23	Công an huyện				60	35/0,4 kV	Lộ 378
24	Ban chỉ huy Quân sự huyện				38	6/0,4 kV	Lộ 671
25	Bệnh viện đa khoa huyện				140	35/0,4 kV	Lộ 371
26	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				35	6/0,4 kV	Lộ 672
27	Bưu điện huyện Mai Sơn				20	6/0,4 kV	Lộ 672
28	Trung tâm Viễn Thông Mai sơn	20	17	15		6,3/0,4 kV	Lộ 672
29	Chi nhánh cấp nước Mai Sơn	250	180	70		35/0,4 kV	Lộ 378
30	Ra đa 37				40	35/0,4 kV	Lộ 378
31	Bệnh viện chống lao và bệnh phổi				45	0,4 kV	Lộ 371
III	Huyện Yên châu	57	25	52	342	E 17.1	
32	Huyện uỷ-UBND huyện				90	35/0,4 kV	Lộ 376
33	Công an huyện				40	35/0,4 kV	Lộ 376
34	Ban chỉ huy Quân sự huyện				37	35/0,4 kV	Lộ 376
35	Bệnh viện huyện				120	35/0,4 kV	Lộ 376
36	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 376
37	Bưu điện huyện Yên Châu				20	35/0,4 kV	Lộ 376
38	Trung tâm viễn thông Yên Châu	22	20	17		35/0,4 kV	Lộ 376
39	Chi nhánh cấp nước Yên Châu	35	5	35		35/0,4 kV	Lộ 376
IV	Huyện Mộc châu	445	640	333	490	E 17.1	
40	Huyện uỷ - UBND huyện MC				150	22/0,4 kV	Lộ 474
41	Công an huyện MC				45	22/0,4 kV	Lộ 474
42	Ban chỉ huy Quân sự huyện MC				40	22/0,4 kV	Lộ 474
43	Bệnh viện đa khoa huyện MC				70	22/0,4 kV	Lộ 474
44	Bệnh viện đa khoa khu vực Thảo Nguyên				60	22/0,4 kV	Lộ 474
45	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				35	22/0,4 kV	Lộ 474
46	Bưu điện huyện MC				20	22/0,4 kV	Lộ 474

 Khách hàng		P sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
47	Trung tâm viễn thông Mộc Châu	35	20	18		22/0,4 kV	Lộ 474
48	Chi nhánh cấp nước Mộc châu	45	5	45		22/0,4 kV	Lộ 474
49	Nhà máy nước khu Nông trường	45	5	45		22/0,4 kV	Lộ 478
50	Ra đa 35	20	10	25		22/0,4 kV	Lộ 476
51	Đội PCCC&CNCH thị trấn Nông trường Mộc Châu				70	22/0,4kV	Lộ 474
52	Điện lực Hòa Phấn (Lào)	300	600	200		35kV	Lộ 372
V	Huyện Phù Yên	100	15	97	285	E 17.5	
52	Huyện uỷ - UBND huyện				90	10/0,4 kV	Lộ 972
53	Công an huyện				35	10/0,4 kV	Lộ 972
54	Ban chỉ huy Quân sự huyện				35	10/0,4 kV	Lộ 972
55	Bệnh viện đa khoa huyện				70	10/0,4 kV	Lộ 972
56	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				35	10/0,4 kV	Lộ 972
57	Bưu điện huyện				20	10/0,4 kV	Lộ 972
58	Trung tâm viễn thông Phù Yên	15	10	12		10/0,4 kV	Lộ 972
59	Chi nhánh cấp nước PY	85	5	85		10/0,4 kV	Lộ 972
VI	Huyện Bắc yên	18	5	18	340	E 17.5	
60	Huyện uỷ - UBND huyện BY				80	35/0,4 kV	Lộ 373
61	Công an huyện Bắc Yên				40	35/0,4 kV	Lộ 373
62	Ban chỉ huy Quân sự huyện BY				40	35/0,4 kV	Lộ 373
63	Bệnh viện đa khoa huyện BY				110	35/0,4 kV	Lộ 373
64	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 373
65	Bưu điện huyện Bắc Yên				20	35/0,4 kV	Lộ 373
66	Trung tâm viễn thông Bắc Yên				15	35/0,4 kV	Lộ 374
67	Chi nhánh cấp nước Bắc Yên	18	5	18		35/0,4 kV	Lộ 373
VII	Huyện Quỳnh nhai	32	8	24	280	E 17.4	
68	Văn Phòng HĐND và UBND huyện Quỳnh Nhai				90	35/0,4 kV	Lộ 373
69	Công an huyện Quỳnh Nhai				35	35/0,4 kV	Lộ 373
70	Ban chỉ huy Quân sự huyện Quỳnh Nhai				35	35/0,4 kV	Lộ 373
71	Bệnh viện Đa Khoa huyện Quỳnh Nhai				65	35/0,4 kV	Lộ 373

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
72	Đài Truyền Thanh - Truyền hình huyện Quỳnh Nhai				35	35/0,4 kV	Lộ 373
73	Bưu điện huyện Quỳnh Nhai				20	35/0,4 kV	Lộ 373
74	Trung tâm Viễn Thông Quỳnh Nhai	15	5	7		35/0,4 kV	Lộ 374
75	Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	17	3	17		35/0,4 kV	Lộ 373
VIII	Huyện Thuận châu	85	5	85	355	E 17.4	
76	Huyện uỷ - UBND huyện				95	35/0,4 kV	Lộ 373
77	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 373
78	Ban chỉ huy Quân sự huyện				30	35/0,4 kV	Lộ 373
79	Bệnh viện huyện				60	35/0,4 kV	Lộ 373
80	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				25	35/0,4 kV	Lộ 373
81	Trạm phát sóng FM				55	35/0,4 kV	Lộ 373
82	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 373
83	Trung tâm Viễn Thông Thuận Châu				35	35/0,4 kV	Lộ 373
84	Chi nhánh cấp nước Thuận Châu	85	5	85		35/0,4 kV	Lộ 373
IX	Sông Mã	90	5	90	405	E 17.30	
85	Huyện uỷ - UBND huyện				90	35/0,4 kV	Lộ 373
86	Công an huyện SM				30	35/0,4 kV	Lộ 373
87	Ban chỉ huy Quân sự huyện SM				30	35/0,4 kV	Lộ 373
88	Bệnh viện đa khoa huyện SM				185	35/0,4 kV	Lộ 373
89	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện SM				25	35/0,4 kV	Lộ 373
90	Bưu điện huyện Sông Mã				20	35/0,4 kV	Lộ 373
91	Trung tâm Viễn Thông Sông Mã				25	35/0,4 kV	Lộ 373
92	Chi nhánh cấp nước Sông Mã	90	5	90		35/0,4 kV	Lộ 373
X	Sốp cốp	85	5	85	330	E 17.30	
93	Huyện uỷ - UBND huyện				65	35/0,4 kV	Lộ 371
94	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 371
95	Ban chỉ huy Quân sự huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 371
96	Đoàn kinh tế Quốc phòng 326				40	35/0,4 kV	Lộ 371



STT Khách hàng		P sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
97	Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp				85	35/0,4 kV	Lộ 371
98	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện Sốp Cộp				35	35/0,4 kV	Lộ 371
99	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 371
100	Trung tâm Viễn Thông Sốp Cộp				15	35/0,4 kV	Lộ 371
101	Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	85	5	85		35/0,4 kV	Lộ 371
XI	Huyện Mường La	30	5	30	360	E 17.3	
102	Huyện uỷ - UBND huyện				100	35/0,4 kV	Lộ 377
103	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 377
104	Ban chỉ huy Quân sự huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 377
105	Bệnh viện huyện				65	35/0,4 kV	Lộ 377
106	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				45	35/0,4 kV	Lộ 377
107	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 377
108	Trung tâm viễn thông Mường La				60	35/0,4 kV	Lộ 377
109	Chi nhánh cấp nước ML	30	5	30		35/0,4 kV	Lộ 377
XII	Huyện Vân Hồ	45	15	45	220	E 17.3	
110	Huyện uỷ - UBND huyện				50	35/0,4 kV	Lộ 476
111	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 476
112	Ban chỉ huy Quân sự huyện				25	35/0,4 kV	Lộ 476
113	Bệnh viện huyện				55	35/0,4 kV	Lộ 476
114	Đài Phát thanh và Truyền hình huyện				15	35/0,4 kV	Lộ 476
115	Bưu điện huyện				25	35/0,4 kV	Lộ 476
116	Trung tâm Viễn thông				15	35/0,4 kV	Lộ 476
117	Chi nhánh cấp nước VH	45	15	45		35/0,4 kV	Lộ 476



PHỤ LỤC II

Danh sách Khách hàng sử dụng điện ưu tiên năm 2018 tỉnh Sơn La
Thuộc diện được ưu tiên cấp điện khi hệ thống thiếu nguồn điện
nhưng phải hạn chế công suất sử dụng tương ứng với việc cung cấp điện bị
thiếu hụt so với nhu cầu sử dụng điện ở các mức 90%, 80%, 70%.
Với mức thiếu hụt dưới 70% thì sẽ không được ưu tiên

(Kèm theo Quyết định số: 230/QĐ-UBND ngày 30/01/2017 của UBND tỉnh)

STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lấp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Toàn tỉnh	45.082	31.407	32.990	1.523		
I	Thành phố Sơn La	2.342	609	1.877	1.440	E 17.2	
1	Nhà máy gạch Tuynel Sơn Hưng Trung	652	124	652		35/0,4 kV	Lộ 372
2	Nhà máy gạch Tuynel Sơn La	500	85	500		35/0,4 kV	Lộ 372
3	Trường Chính trị tỉnh				250	22/0,4 kV	Lộ 478
4	Trường Đại học Tây Bắc				680	35/0,4kV	Lộ 374
5	Trường cao đẳng y Sơn La				100	22/0,4 kV	Lộ 471
6	Trường Cao đẳng Sơn La				350	22/0,4 kV	Lộ 478
7	Công ty TNHH Nhà nước 1 TV Môi trường Đô thị	390	160	25		22/0,4kV	Lộ 478
8	Trạm bơm nước Bản Cọ				15	Sở CA	
9	Trạm bơm nước Bản Tông				15	Bản Tông	
10	Trạm bơm nước Bản Panh				15	Ch. Xôm	
11	Trạm bơm nước Bản Chậu				15	Bản Chậu	
12	Công ty CP xi măng Mai Sơn (Trạm bê tông Chiềng Sinh)	200	120	200		35/0,4 kV	Lộ 373
13	Bệnh viện cuộc sống	600	120	500		35/0,4kV	Lộ 374
II	Huyện Mai Sơn	25.517	22.250	17.035	83	E 17.2	
14	Công ty TNHH Sông Lam (Nhà máy xi măng Mai Sơn)	17.200	17.200	11.200		110/6,3 kV	E 17.1
15	Công ty CP gạch ngói Chiềng Mung	470	50	470		35/0,4 kV	Lộ 382
16	Công ty CP mía đường Sơn La	250	45	250		35/0,4kV	Lộ 378
17	NM tinh bột sắn Fococev	710	500	710		35/0,4kV	Lộ 378

		Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
18	Trạm bơm nước Bản Mạt				28	Bản Mạt	
19	Trạm bơm nước Chiềng Sung				11	Hòa Bình 1	
20	Trạm bơm nước Phiêng Cắm				11	Phiêng Cắm	
21	Trạm bơm nước xã Hát Lót				11	TK 12	
22	Trạm bơm nước Tong Tãi B				11	Tong Tãi	
23	Trạm bơm nước Chiềng Đông				11	Chiềng Đông	
24	Xưởng đúc phôi thép Chiềng Mung	1.000	250	1.000		35/0,4 kV	Lộ 382
25	Khu Công nghiệp Mai Sơn	2.500	2.200	1.000		35/0,4 kV	Lộ 378
26	Nhà máy chế biến tinh bột sắn BHL (Khu CN Mai Sơn)	2.937	1.955	1.955		35/0,4 kV	Lộ 378
27	Xi măng Mai Sơn (Nhà máy gạch Tuynel)	450	50	450		35/0,4 kV	Lộ 371
28	Nhà máy cà phê Phúc Sinh – Mai Sơn	950	950	950	950	Dự kiến đưa vào năm 2018	
III	Huyện Mộc châu	7.937	2.733	7.367	-	E 17.1	
29	Nhà máy sữa UHT	580	320	580		22/0,4 kV	Lộ 478
30	Nhà máy sữa UHT - TBA 400	330	110	330		22/0,4 kV	Lộ 478
31	Nhà máy chè đen	160	30	160		22/0,4 kV	Lộ 478
32	Nhà máy chè Đài loan	80	20	80		22/0,4 kV	Lộ 476
33	NM gạch tuynel Mộc Châu	260	75	260		35/0,4 kV	Lộ 372
34	Công ty CP Khoáng Sản Tây Bắc (Nhà máy luyện Kim loại màu)	1.450	250	1.450		35/0,4 kV	Lộ 374
35	Nhà máy chè Chiềng Đi	250	100	250		22/0,4 kV	Lộ 478
36	Nhà máy chè Tô Múa-Vân Hồ	250	60	250		35/0,4 kV	Lộ 374
37	Công ty TNHH Trà Mộc	250	80	250		35/0,4 kV	Lộ 374
38	Doanh Nghiệp Tư Nhân chè Mộc Sương	160	60	160		22/0,4 kV	Lộ 476
39	Trạm Trại bò Mẫu	260	130	260		22/0,4 kV	Lộ 476

STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
40	Nhà máy SX tre công nghiệp	360	65	360		22/0,4 kV	Lộ 476
41	Công ty TNHH Chung Đức	63,7	10	63,7		22/0,4 kV	Lộ 474
42	Công ty CP chè Cờ Đỏ MC	250	60	250		22/0,4 kV	Lộ 476
43	Công ty CP chè Chiềng Ve	70	30	70		35/0,4 kV	Lộ 372
44	Nhà máy chè Tô Múa	250	100	250		35/0,4 kV	Lộ 374
45	Công ty CP Sơn Hà (SX chè)	250	100	250		22/0,4 kV	Lộ 478
46	Công ty TNHH Chế biến chè Tân Lập	250	80	250		22/0,4 kV	Lộ 476
47	Công ty TNHH Đại Lộc Mộc Châu (NM chè Lóng Luông)	250	100	250		22/0,4 kV	Lộ 472
48	Công ty TNHH TM&XD Thái Sơn (Bơm nước Hang Trùng)	50	50	50		22/0,4 kV	Lộ 472
49	Đồn Biên phòng Cửa khẩu Pa Háng (Trạm bơm Phiêng Cài)	22	22	22		Phiêng Cài	
50	Công ty TNHH Năng lượng MC xanh (Nhà máy SX thanh nhiên liệu không khói)	350	60	350		22/0,4 kV	Lộ 478
51	UBND xã Tô Múa (Trạm bơm Liên Hưng và Bản Đạo)	21	21	21		LH, Tô Múa	
52	Cụm Công nghiệp Mộc Châu	1000	600	800		22/0,4 kV	Lộ 474
53	Gạch tuylen Chiềng Khoa Vân Hồ	400	100	200		35/0,4kV	Lộ 374
54	Nhà máy chè Đen 4	160	50	100		22/0,4kV	Lộ 476
55	Nhà máy Chè Liên Hưng - Tô Múa	160	50	50		35/0,4kV	Lộ 374
56	Khu du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp rừng thông, bản Áng	1600	1600	1600		Dự kiến đưa vào năm 2018	
IV	Huyện Phù Yên	2080	1630	700		E17.5	
57	Nhà máy gạch Huy Thượng	500	90	500		35/0,4 kV	Lộ 375
58	Công ty CP Giấy Ngọc Hà	320	320	40		35/0,4 kV	Lộ 375
59	Công ty CP Giấy Ngọc Hà	120	120	20		35/0,4 kV	Lộ 375
60	Công ty CP giấy Ngọc Hà	220	220	30		35/0,4 kV	Lộ 375
61	Công ty TNHH May Phù Yên	320	320	30		35/0,4 kV	Lộ 371
62	Trại giam Yên Hạ (lò gạch)	320	320	40		35/0,4kV	Lộ 375



		Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
	Khách hàng	Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
63	Đài Truyền Thanh truyền hình Phù Yên (Trạm phát sóng FM)	40				35/0,4kV	Lộ 375
64	Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	120	120	20		35/0,4kV	Lộ 375
65	Cty TNHH Đầu tư Xây dựng Hong Long	120	120	20		35/0,4kV	Lộ 375
V	Huyện Sông Mã	1.346	925	521		E 17.30	
66	Nhà máy gạch Tuynel Sông Mã	460	90	460		35/0,4 kV	Lộ 373
67	Công ty TNHH TM và XD Thái Sơn (Trạm Bơm nước Chiềng Khương)	126	75	15		35/0,4 kV	Lộ 375
68	Nhà máy gạch Tuynel Quyết Tiến (xã Nà Nhị)	760	760	46		35/0,4 kV	Lộ 375
VI	Huyện Mường La	900	560	530	0	E 17.3	
69	Công Ty CP May Tiên Sơn - Mường La	400	60	30		35/0,4kV	Lộ 377
70	Tự dùng Nhà máy thủy điện Huổi Quảng.	500	500	500		35/0,4 kV	Lộ: 379; 381
VII	Huyện Thuận Châu	460	100	460		E 17.4	
77	Nhà máy gạch Tuynel Thuận Châu	460	100	460		35/0,4 kV	Lộ 373
VIII	Huyện Bắc Yên	3500	2000	3500		E 17.5	
71	Mỏ NIKEN Bản Phúc	3500	2000	3500		35/0,4 kV	Lộ 373
VIII	Huyện Vân Hồ	1.000	600	1.000		E 17.1	
72	Công ty CP Khoáng Sản Tây Bắc (Mỏ than Suối Bàng 2 (Vân Hồ))	1.000	600	1.000			Lộ 374
73	Nhà máy chế biến quả và đồ uống nước quả công nghệ cao Sơn La	1500	1500	1500		Dự kiến đưa vào năm 2018	
74	Nhà máy chế biến nông sản SI – Vân Hồ	1500	1500	1500		Dự kiến đưa vào năm 2018	



STT Khách hàng		Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
75	công ty cổ phần giống bò sữa một Châu	600	600	600		Dự kiến đưa vào năm 2018	
76	Công ty cổ phần chăn nuôi Minh Thủy	500	500	500		Dự kiến đưa vào năm 2018	
77	Công ty cổ phần khoa học hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc	200	200	200		Dự kiến đưa vào năm 2018	
78	Nhà máy chế biến chanh leo, rau, củ quả xuất khẩu	630	630	630		Dự kiến đưa vào năm 2018	

gud

